

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2006/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 5 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 04/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/01/2005 về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2010;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình và báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi 5 năm 2006 - 2010; báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và phương hướng nhiệm vụ, chỉ tiêu và giải pháp chủ yếu kế hoạch 2006 - 2010.

Điều 2: Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010:

I. Phương hướng, mục tiêu tổng quát:

Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tiếp tục huy động mọi nguồn lực để đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa tỉnh ra khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành tỉnh có trình độ phát triển khá, đạt mức trung bình so với cả nước, trong đó công nghiệp có bước phát triển nhảy vọt, đặc biệt là công nghiệp nặng, dịch vụ phát triển mạnh, nông nghiệp phát triển theo hướng hàng hoá đa dạng và chất lượng. Cùng với Trung ương đẩy mạnh xây dựng và phát triển Khu kinh tế Dung Quất, trọng tâm là hoàn thành đúng tiến độ xây dựng Nhà máy lọc dầu. Giảm nhanh hộ nghèo,

khuyến khích làm giàu hợp pháp; phát triển văn hoá xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

II. Các chỉ tiêu chủ yếu :

1. Về kinh tế:

- Phần đầu đạt mức tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) bình quân giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 17 - 18%. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt khoảng 950 - 1.000 USD.

- Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư tăng bình quân: 4,5 - 5 %.

- Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng bình quân: 32 - 33 %.

+ Công nghiệp: 41 - 42%;

+ Xây dựng: 13 - 14%.

- Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng: 13 - 14 %.

- Tỷ trọng các ngành kinh tế trong GDP đến năm 2010:

+ Công nghiệp - xây dựng: 62 - 63%;

+ Dịch vụ: 22 - 23%;

+ Nông - lâm - ngư nghiệp: 15 - 16%.

- Tỷ trọng cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế chủ yếu đến năm 2010: Công nghiệp 14,61%, dịch vụ 21,59% và nông nghiệp 63,8%.

- Tăng lượng khách du lịch hàng năm 15,63%, đến năm 2010 đạt trên 300.000 khách du lịch.

- Sản lượng lương thực năm 2010: đạt 420.000 tấn.

- Sản lượng mía cây năm 2010: đạt 500.000 tấn.

- Sản lượng thủy sản năm 2010: đạt 95.000 tấn.

- Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2010: trên 100 triệu USD.

- Thu ngân sách năm 2010: trên 1.500 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm: đạt 68.000 - 70.000 tỷ đồng.

- Số thuê bao điện thoại bình quân đạt 30 máy/100 dân vào năm 2010 .

2. Chỉ tiêu xã hội:

- Giảm tỷ suất sinh bình quân hàng năm xuống khoảng 0,4 - 0,5‰. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2010 là 1,02%.

- Đến năm 2010 có 80 - 85% hộ gia đình; 70 - 75% thôn, tổ dân phố; 90 - 95% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hoá.

- Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm mỗi năm 33.000 lao động; lao động qua đào tạo đạt tỷ lệ 28 - 30%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 20% vào năm 2010 (theo chuẩn mới).

- Hoàn thành xoá 17.000 nhà tạm cho hộ nghèo.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 20% vào năm 2010.

- 100% trạm y tế có bác sỹ vào năm 2010.

- Đến năm 2007 hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi. Tiến hành phổ cập THPT những nơi có điều kiện, riêng thành phố Quảng Ngãi đạt chuẩn phổ cập giáo dục THPT vào năm 2010. Xây dựng 10% trường mầm non, 50% trường tiểu học, 50% trường THCS, 50% trường THPT đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu đạt chỉ tiêu này cao hơn theo Quyết định 04/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Đến năm 2010 phủ sóng phát thanh và truyền hình trên phạm vi toàn tỉnh.

3. Chỉ tiêu về tài nguyên và môi trường:

- Độ che phủ của rừng đến năm 2010 khoảng 45%.

- Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn dùng nước hợp vệ sinh 85%.

- Tỷ lệ cây xanh ở thành phố 80%, các thị trấn và trung tâm huyện lỵ đạt 50% (theo quy hoạch chi tiết).

- 100% các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, các dự án có tác động đến môi trường được xử lý ô nhiễm môi trường.

- Hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp ngay từ những năm đầu kế hoạch.

- Hoàn thành cấp và đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp trong năm 2007.

- 100% các huyện, thành phố, xã phường, thị trấn hoàn thành quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2006 - 2010 vào năm 2007.

4. Chỉ tiêu về quốc phòng an ninh:

- Hàng năm chỉ tiêu tuyển quân đạt 100% kế hoạch.

- Xây dựng 85-90% xã phường thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ ổn định 2% so với dân số; 100% thôn có công an viên.

III. Nhiệm vụ chủ yếu:

1. Các nhiệm vụ đột phá, chương trình, dự án trọng điểm:

1.1. Các nhiệm vụ đột phá:

- Phát triển nguồn nhân lực;
- Phát triển công nghiệp.

1.2. Các chương trình trọng điểm:

- Chương trình phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các ngành nghề phục vụ nhu cầu của Khu kinh tế này;
- Chương trình phát triển toàn diện ngành thủy sản;
- Chương trình phát triển vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến;
- Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng;
- Chương trình phát triển dịch vụ, du lịch;
- Chương trình xúc tiến đầu tư và thị trường;
- Chương trình đổi mới và phát triển doanh nghiệp;
- Chương trình xóa đói giảm nghèo và xóa nhà tạm cho hộ nghèo.

1.3. Các dự án trọng điểm do tỉnh quản lý (theo phụ lục 1 đính kèm).

1.4. Phối hợp với các Bộ ngành Trung ương tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các dự án (theo phụ lục 1 đính kèm).

1.5. Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư hoàn thành các công trình trọng điểm (theo phụ lục 1 đính kèm).

1.6. Các dự án đầu tư chủ yếu giai đoạn 2006 - 2010 (theo phụ lục 2 đính kèm).

2. Những nhiệm vụ trọng tâm:

2.1. Phát triển kinh tế:

2.1.1. Phát triển công nghiệp với tốc độ nhanh, đi đôi với nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế-xã hội. Tập trung đẩy mạnh phát triển Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp trên địa bàn, trong đó chú trọng phối hợp chặt chẽ với Trung ương đẩy mạnh việc xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất đúng tiến độ. Hình thành, phát triển Khu công nghiệp Phổ Phong, các cụm công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp vừa và

nhỏ ở địa phương. Tạo thêm nhiều mặt hàng chủ lực có sức cạnh tranh cao đối với thị trường trong và ngoài nước, hướng mạnh về xuất khẩu.

2.1.2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tạo bước chuyển về chất nền sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng hàng hóa bền vững. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong nông nghiệp hướng mạnh vào việc hình thành và nâng cao chất lượng các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Chú trọng phát triển vùng thực phẩm an toàn đáp ứng nhu cầu của Khu kinh tế Dung Quất và toàn xã hội. Tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi theo hướng trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp. Phát triển kinh tế thủy sản đồng bộ, bền vững, gắn kết giữa khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ thủy sản.

2.1.3. Phát triển nhanh và nâng cao chất lượng ngành thương mại và du lịch. Tập trung phát triển dịch vụ trên các lĩnh vực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là Khu kinh tế Dung Quất. Chú trọng phát triển du lịch sinh thái, di tích lịch sử, văn hóa.

2.1.4. Đẩy mạnh kinh tế đối ngoại, tăng cường quản lý tài chính, tiền tệ, huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện đề án hội nhập kinh tế quốc tế, có cơ chế ưu đãi đầu tư cho các lĩnh vực sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Bằng nhiều hình thức huy động đa dạng các nguồn vốn, chủ động xây dựng phương án quản lý, sử dụng vốn một cách linh hoạt, hiệu quả. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu đổi mới, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2010.

2.1.5. Phát triển các vùng kinh tế:

- Vùng kinh tế động lực bao gồm các thành phố, Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp của tỉnh và đô thị khác. Quy hoạch đầu tư mở rộng thành phố Quảng Ngãi về phía Bắc sông Trà khúc, phấn đấu đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại II. Đối với thị trấn Đức Phổ, phấn đấu đạt các tiêu chí cần thiết để nâng thành đô thị loại IV, hướng đến trở thành thị xã thuộc tỉnh. Từ nay đến năm 2010 chuẩn bị các điều kiện để hình thành các thị trấn mới ở huyện Lý Sơn, Thạch Trụ (Mộ Đức), Sa Huỳnh (Đức Phổ) và khu đô thị Dốc Sỏi (Bình Sơn).

Đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng thành phố Quảng Ngãi, các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp - làng nghề của tỉnh. Đối với Khu công nghiệp Quảng Phú xem xét điều chỉnh quy hoạch, chỉ tiếp tục thực hiện những dự án đang triển khai.

Xây dựng Khu công nghiệp Phổ Phong với quy mô 130 ha và tiến hành thu hút đầu tư mạnh vào Khu công nghiệp này.

Mở rộng Khu kinh tế Dung Quất về phía Tây và phía Nam với quy mô 50.000 ha. Phối hợp chặt chẽ với Trung ương xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất đúng tiến độ, phát triển các ngành công nghiệp có quy mô lớn gắn với cảng biển nước sâu Dung Quất.

- Vùng đồng bằng, ven biển và hải đảo: Phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, trọng tâm là hình thành các vùng cây, con, nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến. Phát triển nông nghiệp toàn diện; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng công nghiệp và dịch vụ trên cơ sở hình thành và phát triển các cụm công nghiệp địa phương. Xây dựng các thị trấn, huyện lỵ trở thành các trung tâm kinh tế - xã hội của từng huyện có các ngành dịch vụ phát triển.

- Vùng miền núi: Lấy phát triển nông - lâm nghiệp làm cơ sở để ổn định kinh tế - xã hội, trong đó chú trọng đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại. Đẩy mạnh giao đất giao rừng cho nhân dân nhằm bảo vệ và phát triển rừng; khai hoang mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp; phát triển chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển các thị trấn hiện có, hình thành các thị trấn ở các huyện Minh Long, Sơn Tây, Tây Trà; củng cố các trung tâm cụm xã.

2.2. Phát triển văn hoá, xã hội:

2.2.1. Nâng cao chất lượng dạy và học. Tăng tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ở tất cả các cấp học. Củng cố và duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống tái mù chữ; hoàn thành phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS và phổ cập giáo dục THPT theo chỉ tiêu kế hoạch. Đến năm 2010, các trường ở các cấp học, ngành học được bảo đảm thiết bị giáo dục tối thiểu, 100% giáo viên được chuẩn hoá. Tiếp tục củng cố mạng lưới trường học, khuyến khích thành lập mới các loại hình trường học và dạy nghề ngoài công lập; nâng cao chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất các trường chuyên nghiệp; củng cố, mở rộng các trường, trung tâm dạy nghề nhằm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2.2. Đẩy mạnh các hoạt động khoa học - công nghệ, ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất, đời sống, góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phấn đấu đến năm 2010 có trên 60% số đề tài nghiên cứu được ứng dụng vào sản xuất và đời sống; khoảng 150 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, 150 sản phẩm và dịch vụ được cấp bằng bảo hộ độc quyền nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp; 100% số huyện, thành

phổ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý; 50% số xã, phường, thị trấn được kết nối Internet.

2.2.3. Thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân, tạo điều kiện để người dân được hưởng các dịch vụ y tế cộng đồng và từng bước tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng cao. Nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần, thái độ phục vụ bệnh nhân của đội ngũ cán bộ y tế. Phấn đấu trong giai đoạn 2006 - 2010 hoàn thành Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện lao và bệnh phổi, Bệnh viện tâm thần, Bệnh viện Dung Quất, một số trung tâm y tế huyện và phòng khám đa khoa khu vực. Khuyến khích việc đầu tư phát triển các dịch vụ y tế ngoài công lập.

2.2.4. Triển khai thực hiện chương trình phát triển dân số của tỉnh giai đoạn 2006-2010, nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Phát động phong trào xây dựng gia đình trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện bình đẳng giới. Nâng cao trách nhiệm của gia đình, cộng đồng và xã hội trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em.

2.2.5. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, bảo đảm nhu cầu hưởng thụ văn hoá đa dạng ngày càng tăng của nhân dân. Chú trọng xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh trong toàn xã hội, trong hoạt động lãnh đạo, quản lý của chính quyền các cấp, trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức, trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; tiếp tục xây dựng gia đình, thôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn, cơ quan văn hoá.

2.2.6. Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở, cộng đồng dân cư. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, tôn tạo và phát huy tác dụng của các thiết chế văn hóa, các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh. Đưa hoạt động thể thao vào nền nếp thường xuyên trong cộng đồng xã hội. Nâng tỷ lệ người luyện tập thể dục, hoạt động thể thao thường xuyên 30 % vào năm 2010. Tỉnh có đội bóng đá thi đấu giải hạng nhất quốc gia.

2.2.7. Thực hiện lồng ghép, kết hợp các chương trình, dự án của Trung ương, của tỉnh để giải quyết việc làm và tạo thêm việc làm mới cho người lao động. Nâng cao chất lượng công tác xoá đói giảm nghèo và khuyến khích làm giàu hợp pháp. Thực hiện tốt chính sách xã hội, chính sách người có công với nước. Tiếp tục thực hiện phong trào “đền ơn đáp nghĩa”, phấn đấu 100% xã, phường, thị trấn được công nhận làm tốt chính sách thương binh, liệt sĩ và người có công; bảo đảm 100% gia đình chính sách có cuộc sống vật chất, tinh thần bằng hoặc cao hơn mức trung bình của người dân nơi cư trú.

2.3. Quốc phòng - an ninh:

2.3.1. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và cả hệ thống chính trị, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Tăng cường công tác giáo dục kiến thức quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

2.3.2. Xây dựng Quân đội và Công an theo hướng chính qui, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, gắn bó mật thiết với nhân dân; lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ, công an thôn đủ số lượng, bảo đảm chất lượng. Nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang, chủ động ứng phó trong mọi tình huống, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh ngay từ khâu qui hoạch, xây dựng kế hoạch và hình thành các dự án.

2.3.3. Đảm bảo tuyệt đối an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; không để xảy ra “điểm nóng”. Tăng cường công tác đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, nhất là tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại và tội phạm ma túy, tệ nạn mại dâm; thực hiện tốt phòng cháy, chữa cháy; ngăn ngừa có hiệu quả tai nạn giao thông. Tổ chức thực hiện công tác tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng chống thiên tai.

2.3.4. Tiếp tục tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về công tác tư pháp và chiến lược cải cách tư pháp. Chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan nội chính. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và hỗ trợ tư pháp; tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án dân sự, khắc phục cơ bản tình trạng án tồn đọng kéo dài. Đẩy mạnh thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, chú trọng các lĩnh vực quản lý về đầu tư xây dựng, đất đai, ngân sách và quản lý doanh nghiệp, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm mọi vi phạm. Tăng cường giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; thực hiện đồng bộ công tác đấu tranh phòng và chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm trong bộ máy chính quyền địa phương.

IV. Các giải pháp chủ yếu:

1. Tập trung ưu tiên mọi nguồn lực để thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ đột phá và 8 chương trình trọng điểm; trong đó chú trọng nhiệm vụ xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ ngày càng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

2. Xây dựng, điều chỉnh bổ sung qui hoạch.

Lấy qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm căn cứ điều chỉnh, bổ sung hợp lý các qui hoạch ngành, vùng kinh tế, các huyện, thành phố và xác lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Hoàn thành việc xây dựng qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ngãi; quy hoạch tổng thể phát triển Khu kinh tế Dung Quất năm 2011 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025. Chú trọng nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý và tổ chức thực hiện theo đúng qui hoạch đã được phê duyệt.

3. Hoàn thiện cơ chế chính sách, đi đôi với đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển.

Thực hiện tốt Quyết định số 94/2006/QĐ-TTg ngày 27/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2006 - 2010, trong đó tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung đồng bộ các cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đẩy mạnh thực hiện cơ chế “một cửa”, phát huy trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với công dân, tổ chức và doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng và tin cậy để thu hút các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế. Nâng cao năng lực điều hành, quản lý nhà nước ở các cấp chính quyền của tỉnh.

4. Tăng cường xúc tiến đầu tư, huy động các nguồn lực phát triển các loại thị trường.

- Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư, động viên mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh, nhất là nguồn nhân lực và vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo cơ sở phát huy mọi năng lực sản xuất của các thành phần kinh tế. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổng công ty, các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp của tỉnh.

- Phát triển đồng bộ các loại thị trường, đặc biệt là thị trường tài chính tín dụng, thị trường bất động sản. Chú trọng mở rộng và gắn kết thị trường trong tỉnh với thị trường ngoài tỉnh và nước ngoài. Tập trung mọi nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, tranh thủ các nguồn vốn nước ngoài; khai thác và huy động các nguồn vốn từ quỹ đất, khai thác nguồn vốn vay, phát hành trái phiếu công trình để tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

5. Tập trung chỉ đạo công tác đền bù, tái định cư, giải phóng mặt bằng.

Xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, trong cấp ủy Đảng, HĐND, UBND, UBMTTQ và các tổ chức hội, đoàn thể ở các cấp nhằm phát huy đầy đủ sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong công tác bồi thường, tái định cư và giải

phóng mặt bằng. Xây dựng cơ chế nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, đồng thời đảm bảo cho người dân tái định cư có cuộc sống ổn định. Công tác bồi thường phải gắn kết và triển khai đồng bộ với công tác tái định cư, tái định canh, trong đó tái định cư phải đi trước một bước. Ưu tiên đào tạo nghề cho lực lượng lao động trong các khu vực bị giải toả để chuyển đổi ngành nghề ổn định cuộc sống. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư và thực hiện các dự án trên địa bàn của tỉnh.

6. Phát huy vai trò động lực của giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng và đẩy mạnh thực hiện đề án xã hội hoá trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá, thể dục thể thao tương xứng với phát triển kinh tế của tỉnh. Chú trọng việc bố trí vốn quỹ đất và vốn đầu tư tạo điều kiện phát triển mạng lưới trường lớp kiên cố và chuẩn hóa về lâu dài. Đầu tư đồng bộ giữa nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và đảm bảo đội ngũ y, bác sỹ ở các cơ sở khám chữa bệnh.

Xây dựng và tổ chức thực hiện đề án phát triển nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn 2006 - 2010, định hướng là tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi ở các cấp chính quyền, cán bộ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, công nghệ cao và đội ngũ công nhân lành nghề. Tiếp tục bổ sung cơ chế thu hút, ưu đãi sinh viên giỏi, cán bộ giỏi ngoài tỉnh về công tác lâu dài tại tỉnh và ưu đãi cán bộ giỏi trong tỉnh. Có kế hoạch xúc tiến lao động hàng năm để giải quyết việc làm cho người lao động. Dự báo nhu cầu lao động trong và ngoài tỉnh để xác lập qui mô, hình thức và nội dung đào tạo phù hợp gắn với đẩy mạnh phát triển các dịch vụ tư vấn giải quyết việc làm nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn lao động đã được đào tạo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực văn hoá - thông tin, tạo môi trường văn hoá lành mạnh phục vụ cho phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Tăng cường đầu tư, đổi mới trang thiết bị, công nghệ, đổi mới công tác quản lý theo hướng tiên tiến, hiện đại, khoa học, đi đôi với việc đào tạo, đào tạo lại cán bộ để có đủ năng lực làm chủ khoa học công nghệ tiên tiến. Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa Nhà nước, nhà khoa học, các doanh nghiệp và hộ sản xuất trong việc nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ vào tất cả các lĩnh vực sản xuất, đời sống và hoạt động lãnh đạo, quản lý. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư ứng dụng công nghệ mới, nhất là hệ thống quản lý tiên tiến, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào quản lý, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa.

7. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm.

Thường xuyên giáo dục cho cán bộ, công chức, viên chức nhận thức và thực hiện đúng qui định của pháp luật về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm; đấu tranh mạnh mẽ nhằm ngăn ngừa, phát hiện và chống tham nhũng.

Chỉ đạo xây dựng các cơ chế quản lý nhằm phòng chống tham nhũng, lãng phí, trước hết trong một số lĩnh vực trọng điểm như: quản lý đất đai, đầu tư XD CB, doanh nghiệp nhà nước, ngân sách Nhà nước và tài sản công. Nghiêm túc thực hiện qui định về công khai tài sản của cán bộ, công chức; qui chế dân chủ cơ sở; qui chế giám sát của mặt trận và các đoàn thể nhân dân; phát huy vai trò của quần chúng và các cơ quan báo chí trong việc phát hiện và tố giác các hành vi tham nhũng, lãng phí, đồng thời bảo vệ người phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng và trong từng cơ quan, xử lý nghiêm minh, công khai, kịp thời các vụ việc tham nhũng, lãng phí kể cả trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi xảy ra tham nhũng gây hậu quả nghiêm trọng.

8. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Phát huy truyền thống cách mạng, ý chí tự lực, tự cường, cần cù sáng tạo, đoàn kết thống nhất, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, không cam chịu nghèo nàn, tụt hậu; kêu gọi và phát huy tình yêu quê hương của mọi người dân Quảng Ngãi đang làm việc, sinh sống trong, ngoài tỉnh và nước ngoài, cùng tham gia đóng góp trí tuệ, tinh thần, vật lực đưa tỉnh ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, đạt trình độ phát triển khá trong khu vực; cùng với cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều 3. Giao cho Thường trực HĐND và UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Nghị quyết đạt kết quả.

HĐND tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 8 kêu gọi các cấp, các ngành, quân và dân trong tỉnh đoàn kết một lòng, ra sức thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2006 - 2010.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 8 (bất thường) thông qua ngày 15 tháng 5 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Hồ Nghĩa Dũng

PHỤ LỤC 1: CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2006/HĐND

ngày 15/5/2006 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án	Quy mô	Địa điểm
Các dự án trọng điểm do tỉnh quản lý			
1	Đường nối các huyện miền núi	180 km	6 huyện miền núi
2	Hỗ trợ CSHT các Khu công nghiệp tỉnh		
	- Khu công nghiệp Tịnh Phong	141 ha	Sơn Tịnh
	- Khu công nghiệp Quảng Phú	99,5 ha	Thành phố Quảng Ngãi
	- Khu công nghiệp Phổ Phong	130 ha	Đức Phổ
3	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh	110 km	Các huyện
4	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	5.000-6.000 sinh viên	Thành phố Quảng Ngãi
5	Trường Kỹ nghệ tỉnh	1.500-2.500 học viên	Thành phố Quảng Ngãi
6	Bệnh viện đa khoa tỉnh	600 giường	Thành phố Quảng Ngãi
7	Hợp phần di dân tái định cư hồ chứa nước Nước Trong	680 hộ	các huyện
Các dự án trọng điểm do TW thực hiện đầu tư			
8	Hồ chứa nước Nước Trong	272 triệu m ³	Sơn Hà - Trà Bồng - Tây Trà
9	Đường Dung Quất - Trà Bồng - Trà My nối đường Hồ Chí Minh	69 km	Bình Sơn - Trà Bồng - Trà My
10	Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	133 km	Đà Nẵng-Quảng Ngãi
Các dự án trọng điểm do các nhà đầu tư khác			
11	Nhà máy lọc dầu	6,5 triệu tấn	Bình Sơn
12	Liên Hiệp đóng sửa tàu biển	đóng tàu dầu 100 ngàn tấn	Bình Sơn
13	Cảng Dung Quất	Tàu 3 vạn DWT	Bình Sơn
14	DA đầu tư vào TP Vạn Tường	200 ha	Bình Sơn
15	DA đầu tư khai thác du lịch Khe Hai-KKT Dung Quất	150 ha	Bình Sơn
16	Dự án chế tạo thiết bị công nghiệp nặng (Doosan)	110ha	Bình Sơn

TT	Tên dự án	Quy mô	Địa điểm
17	Nhà máy luyện cán thép	5 triệu tấn/năm	Bình Sơn
18	Nhà máy polypropylen	150.000tấn/năm m	Bình Sơn
19	Nhà máy bia Sài Gòn Quảng Ngãi	100 triệu lít/năm	Tp. Quảng Ngãi
20	Dự án khai thác mỏ Graphit Hưng Nhượng		Sơn Tịnh